

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 30/4/2024

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/4/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/4/2024	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
	TỔNG CỘNG	198.395	109.105	-	-	89.290	26.090	1.365	0	0	24.725	13,2	
A	VỐN TỈNH QUẢN LÝ	950	950	-	-	-	950	950	0	0	0	100,0	
	<i>Dự án tái toàn, thanh toán khối lượng</i>												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nốt, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	108.155	108.155	-	-	-	415	415	0	0		0,4	
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	14.970	14.970	0	0	15.000	0	0	0	0	9.337	0,0	
II	Chỉnh trang đô thị	60.000	60.000	0	0	0	14	14	0	0	0	0,0	
	<i>Dự án khởi công mới 2024</i>												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	57.000	57.000				14	14				0,0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	3.000	3.000				0					0,0	
III	Hỗ trợ khác	16.700	16.700	0	0	0	85	85	0	0	0	0,5	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
1	Trường Trung học cơ sở Thạnh Đức	10.000	10.000				85	85				0,9	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				0					0,0	
IV	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn 2021-2025	6.485	6.485	0	0	0	315	315	0	0	0	4,9	
	<i>Dự án khởi công mới 2024</i>												
1	Nhà làm việc công an xã Bầu Đôn	1.835	1.835				77	77				4,2	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	1.550	1.550				79	79				5,1	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	1.550	1.550				79	79				5,1	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				79	79				5,1	
V	Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	10.000	10.000				0					0,0	
C	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN	89.290	-	-	-	89.290	24.725	0	0	0	24.725	27,7	
I	Nguồn cân đối ngân sách	12.190	0	0	0	12.190	865	0	0	0	865	7,1	
a	Ngân sách cấp huyện	11.190	0	0	0	11.190	865	0	0	0	865	7,7	
1	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học	3.000	0	0	0	3.000	865	0	0	0	865	28,8	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đá Hàng	1.500				1.500	0				0	0,0	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bầu Đôn	800				800	746				746	93,3	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	200				200	119				119	59,4	
1.4	Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thành	500				500	0				0	0,0	
2	Chuẩn bị đầu tư	600	0	0	0	600	0	0	0	0	0	0,0	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà Ấp 7, xã Bầu Đôn	150				150	0					0,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát Ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	150				150	0					0,0	
2.3	Hệ thống đèn trang trí tình lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bầu Đôn)	150				150	0					0,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024				Giải ngân đến 30/4/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó			Giải ngân đến 30/4/2024	Trong đó			% so KH		
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện	Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ			Nguồn thu tiền sử dụng đất
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trượng đến ngã ba Bầu Đôn)	150			150	0					0,0	
3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	7.590	0	0	0	7.590	0	0	0	0	0,0	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bầu Đôn	700			700	0					0,0	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700			700	0					0,0	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	700			700	0					0,0	
3.4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	700			700	0					0,0	
3.5	Nâng cấp đường và công Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000			2.000	0					0,0	
3.6	Nâng cấp đường và công Cầu Hiệp Thanh, huyện Gò Dầu	2.000			2.000	0					0,0	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790			790	0					0,0	
b	Ngân sách cấp xã	1.000			1.000	0					0,0	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	70.000	0	0	0	70.000	21.481	0	0	0	21.481	30,7
1	Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành	10.000	0	0	0	10.000	8.463	0	0	0	8.463	84,6
	<i>Các công trình xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT giao thông, điện chiếu sáng, kênh thủy lợi- 00492; văn hóa-00496; thể dục thể thao -00495)</i>											
1.1	Làng nhựa đường trục áp đường tổ 13-16 ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước	350			350	350					350	100,0
1.2	Làng nhựa đường trục áp đường hẻm 52 - HL 1 ấp Cây Xoài, xã Thanh Phước	350			350	350					350	100,0
1.3	Bê tông xi măng đường trục áp đường tổ 11-12-13 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	100			100	100					100	100,0
1.4	Bê tông xi măng đường trục áp đường tổ 5-6-12 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	100			100	100					100	100,0
1.5	Làng nhựa đường trục áp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	300			300	300					300	100,0
1.6	Nâng cấp làng nhựa đường trục áp đường Hẻm 154 đường Cầu Sao Xóm Đồng, xã Thanh Phước	100			100	100					100	100,0
1.7	Làng nhựa đường trục áp đường hẻm 34 ấp Rộng Tương, xã Thanh Phước	100			100	100					100	100,0
1.8	Nâng cấp làng nhựa đường trục áp đường hẻm 69 - Quốc lộ 22, xã Thanh Phước	150			150	150					150	100,0
1.9	Bê tông xi măng đường tổ 19-20 ấp Trâm Váng 3, xã Thanh Phước	100			100	100					100	100,0
1.10	Hệ thống chiếu sáng công cộng, trồng cây xanh và gỡ giảm tốc các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Thanh Phước	150			150	150					150	100,0
1.11	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường tổ 1,2 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thanh	150			150	150					150	100,0
1.12	Bê tông xi măng đường trục áp đường tổ 8 ấp Xóm Bò, xã Hiệp Thanh	100			100	100					100	100,0
1.13	Sửa chữa đảm bảo giao thông các tuyến đường ấp Xóm Mía, xã Phước Trach (đường số 18, đường số 20, đường số 22, đường số 37, đường số 33, đường số 29+31)	270			270	267					267	99,0
1.14	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường số 5-782, 21-782; 22-782; 23-782; 8-HL1, xã Phước Đông	140			140	138					138	98,4
1.15	Nhà văn hóa - Thể thao ấp 4	85			85	82					82	96,4
1.16	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Thanh Đức	530			530	530					530	100,0
1.17	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Hiệp Thanh	100			100	100					100	100,0
1.18	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Trach	140			140	140					140	100,0
1.19	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Thanh	270			270	270					270	100,0
1.20	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Cẩm Giang	350			350	347					347	99,1
	<i>Các công trình phát triển kinh tế - xã hội</i>											
1.21	Sửa chữa trường Mẫu Giáo Phước Đông (Điểm lẻ)	80			80	80					80	100,0
1.22	Sửa chữa trường Tiểu học Thị Trấn	130			130	130					130	100,0
1.23	Sửa chữa trường Mầm non Trần Thị Sanh	130			130	129					129	99,0
1.24	Nhà làm việc công an xã Hiệp Thanh	500			500	500					500	100,0

STT	Dự án	Kế hoạch 2024				Giải ngân đến 30/4/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó			Giải ngân đến 30/4/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện	Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
1.25	Nhà làm việc công an xã Phước Trạch	500			500	500				500	100,0	
1.26	Nhà làm việc công an xã Cẩm Giang	400			400	400				400	100,0	
1.27	Nhà làm việc công an xã Thanh Đức	500			500	500				500	100,0	
1.28	Nhà tang lễ huyện Gò Dầu	2.000			2.000	2.000				2.000	100,0	
1.29	Cải tạo 02 hạng mục phụ Ban Chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	150			150	150				150	100,0	
1.30	Xây mới hàng rào nhà làm việc Tiểu đội dân quân thường trực Khu liên hợp Phước Đông	150			150	150				150	100,0	
	Vốn thanh toán khối lượng và tất toán công trình XD/CB hoàn thành (chưa phân khai chi tiết)	1.525			1.525	0					0,0	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đổi ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh)	1.000			1.000	0					0,0	
3	Đổi ứng xây dựng nông thôn mới	15.000	0	0	0	15.000	9.337	0	0	0	9.337	62,2
	<i>Giao thông</i>											
3.1	Làng nhựa đường trục áp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	650			650	0				0	0,0	
3.2	Làng nhựa đường trục áp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	520			520	314				314	60,4	
3.3	Làng nhựa đường trục áp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	450			450	450				450	100,0	
3.4	Làng nhựa đường trục áp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	220			220	158				158	71,9	
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	310			310	310				310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	230			230	165				165	71,8	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	900			900	506				506	56,2	
3.8	Làng nhựa đường trục áp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	680			680	84				84	12,4	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	295			295	182				182	61,6	
3.10	Làng nhựa đường trục áp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	450			450	316				316	70,3	
3.11	Làng nhựa đường trục áp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	490			490	307				307	62,6	
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	170			170	124				124	72,8	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	330			330	237				237	71,9	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140			140	101				101	72,1	
3.15	Làng nhựa đường trục áp đường cấp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	500			500	360				360	72,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	270			270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	270			270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	130			130	79				79	60,6	
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	110			110	68				68	62,0	
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	80			80	49				49	61,1	
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ông Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	270			270	196				196	72,7	
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	340			340	340				340	100,0	
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	300			300	257				257	85,6	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024				Giải ngân đến 30/4/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó			Giải ngân đến 30/4/2024	Trong đó			% so KH		
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Ngân sách huyện	Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ			Nguồn thu tiền sử dụng đất
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thanh	630			630	339			339	53,8		
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chứa và nhà bà Thia) ấp Phước Hội A, xã Phước Thanh	290			290	263			263	90,8		
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	220			220	160			160	72,5		
3.27	BTXM đường trục áp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	220			220	162			162	73,4		
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	125			125	110			110	88,0		
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Rảnh)	145			145	145			145	100,0		
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	360			360	360			360	100,0		
3.31	Làng nhựa đường trục áp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	165			165	118			118	71,6		
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	290			290	181			181	62,4		
3.33	BTXM Đường trục áp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	240			240	240			240	100,0		
3.34	BTXM đường trục áp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thanh	250			250	250			250	100,0		
3.35	BTXM đường trục áp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thanh	260			260	260			260	100,0		
3.36	BTXM đường và mương đường trục áp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	235			235	165			165	70,2		
3.37	Làng nhựa đường trục áp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	500			500	347			347	69,4		
3.38	BTXM đường và mương đường trục áp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	220			220	149			149	67,8		
3.39	BTXM đường trục áp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	210			210	210			210	100,0		
3.40	BTXM đường trục áp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	220			220	196			196	89,0		
3.41	BTXM đường trục áp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thanh Đức	250			250	177			177	70,7		
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức	410			410	364			364	88,7		
3.43	<i>Chiếu sáng - cây xanh</i> Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thanh	600			600	0			0	0,0		
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	640			640	0			0	0,0		
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	415			415	0			0	0,0		
4	Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác	44.000	0	0	0	44.000	3.681	0	0	0	3.681	8,4
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	32.000			32.000	2.376			2.376	7,4		
4.2	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000			6.000	305			305	5,1		
4.3	Nâng cấp và mở rộng cầu Thi, xã Hiệp Thanh	5.000			5.000	0			0	0,0		
4.4	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000			1.000	1.000			1.000	100,0		
III	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất	5.000	0	0	0	5.000	280	0	0	0	280	5,6
I	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tự, xã Phước Trach	5.000			5.000	280			280	5,6		
IV	Chi úy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)	2.100			2.100	2.100			2.100	100,0		

Gò Dầu, ngày 5 tháng 5 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Truyền Thái Bình